quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Trên cơ sở Quyết định số 47/1999/QĐ-BNN-KL ngày 12/3/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định Kiểm tra việc vận chuyển, sản xuất, kinh doanh gỗ và lâm sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm lâm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các tỉnh không có cơ quan Kiểm lâm thực hiện các nhiệm vụ quản lý các loài động vật, thực vật hoang dã do gây nuôi ở địa phương như sau:

1. Hướng dẫn đăng ký và quản lý các Trại gây nuôi sinh sản và trồng cấy nhân tạo các loài động, thực vật hoang dã trên địa bàn tỉnh quản lý.

2. Cấp giấy xác nhận nguồn gốc động vật, thực vật hoang dã do gây nuôi sinh sản.

3. Cấp giấy phép vận chuyển (kể cả giấy phép vận chuyển đặc biệt) theo mẫu thống nhất đối với động vật, thực vật hoang dã có nguồn gốc gây nuôi sinh sản tại các Trại trên địa bàn tỉnh quản lý.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở các tỉnh không có cơ quan Kiểm lâm thực hiện Quyết định này phải tuân theo sự hướng dẫn, kiểm tra của Cục Kiểm lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Nội dung quy định tại Điều 1, 2 Quyết định này bổ sung cho Quyết định số 47/1999/QĐ-BNN-KL ngày 12/3/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định kiểm tra việc vận chuyển, sản xuất, kinh doanh gỗ và lâm sản.

Điều 4. Các Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục: Kiểm lâm, Phát triển lâm nghiệp, Chế biến nông sản và Ngành nghề nông thôn; Vụ trưởng Vụ Chính sách và các cục, vụ liên quan; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thứ trưởng

NGUYỄN VĂN ĐẲNG

THÔNG TƯ số 71/2003/TT-BNN ngày 25/6/2003 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 26/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Để hướng dẫn thực hiện đúng và có hiệu quả Nghị định số 26/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Nghị định này đã được đăng Công báo ngày 10/4/2003 và có hiệu lực từ ngày 25/4/2003. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật được quy định tại Điều 1 của Nghị định, cần chú ý những điểm sau:

a) Hành vi bị xử phạt phải là những hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định số 26/2003/

NĐ-CP. Khi thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm có một trong các dấu hiệu như: trị giá (về số lượng, về tiền) hàng vi phạm lớn, tính chất vụ vi phạm phức tạp, tái phạm nhiều lần, gây hậu quả nghiêm trọng thì trước khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính cơ quan xử phạt phải trao đổi ý kiến với cơ quan tiến hành tố tụng cùng cấp.

b) Trong trường hợp cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng sau đó lại có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì những vụ vi phạm này phải bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định số 26/2003/NĐ-CP.

2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là cá nhân, tổ chức quy định tại Điều 2 của Nghị định được hiểu như sau:

a) Cá nhân gồm: Người Việt Nam, người nước ngoài, người không quốc tịch có đủ năng lực hành vi theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Tổ chức gồm: cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 3 của Nghị định, cần chú ý những điểm sau:

a) Trong trường hợp một người trong cùng một thời điểm có nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Cụ thể như sau:

- Nếu các hành vi vi phạm này đều thuộc thẩm quyền xử phạt của một người thì ra một quyết định xử phạt chung, nhưng phải ghi rõ từng hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt đối với từng hành vi;

- Nếu một trong các hành vi vi phạm có mức tiền phạt, trị giá tang vật phương tiện bị tịch thu hoặc một trong các hình thức xử phạt hoặc biện pháp khắc phục hậu quả không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền của người xử phạt thì phải chuyển toàn bộ hồ sơ, tang vật lên cấp có thẩm quyền xử phạt.

b) Không xử phạt đối với người có hành vi vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình được quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định nếu được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận.

c) Trong quá trình xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập và vận chuyển quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nếu có hành vi vi phạm hành chính thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định này, cá nhân, tổ chức vi phạm còn buộc phải tiến hành kiểm dịch theo quy định và nộp đủ phí và lệ phí kiểm dịch thực vật theo quy định hiện hành.

II. CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

1. Hình thức xử phạt chính:

a) Phạt cảnh cáo: chỉ áp dụng đối với hành vi vi phạm có quy định hình thức phạt cảnh cáo và chỉ áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhỏ, lần đầu, do lỗi vô ý, có tình tiết giảm nhẹ, chưa gây hậu quả và chưa đến mức cần phạt tiền.

b) Phạt tiền: Mức phạt tiền trong từng khung xử phạt được áp dụng như sau:

- Phạt tiền ở mức khởi điểm của khung xử phạt nếu vi phạm lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ.

- Phạt tiền mức trung bình của khung xử phạt nếu có từ một đến hai tình tiết tăng nặng nhưng không phạm vào một trong các tình tiết:

+ Vi phạm có tổ chức;

+ Vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;

+ Xúi giục, lôi kéo người chưa thành niên vi phạm, ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần vi phạm.

Cách tính như sau:

$$\frac{\text{Phạt tiền mức thấp nhất} + \text{Phạt tiền mức cao nhất}}{2}$$

- Phạt tiền ở mức cao của khung xử phạt nếu có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên hoặc vi phạm một trong ba tình tiết tăng nặng nói trên.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Khi áp dụng các hình thức này phải dảm bảo các yêu cầu sau:

- Chỉ được áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi vi phạm khi trong Nghị định số 26/2003/NĐ-CP có quy định hình thức xử phạt bổ sung.

- Các hình thức xử phạt bổ sung không được áp dụng độc lập mà phải áp dụng kèm theo hình thức phạt chính.

- Khi áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung phải triệt để tuân theo những thủ tục mà pháp luật quy định.

a) Tước quyền sử dụng giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới, giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng: Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà quyết định thời hạn cụ thể tước quyền sử dụng các loại giấy này.

b) Tịch thu tang vật, phương tiện dược sử dụng để vi phạm hành chính: Chỉ được tịch thu các tang vật, phương tiện mà pháp luật cho phép tịch thu. Không áp dụng tịch thu trong trường hợp tang vật, phương tiện bị cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chiếm đoạt, sử dụng trái phép mà phải trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, người sử dụng hợp pháp trừ trường hợp tang vật là hàng giả không có giá trị sử dụng, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng thì sẽ bị buộc tiêu hủy.

Việc xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: thực hiện theo quy định tại Điều 61 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả: Khi áp dụng các hình thức này cũng phải dảm bảo các yêu cầu như các yêu cầu khi áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung.

Ngoài ra, trong trường hợp không ra quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền vẫn có thể ra quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 26/2003/NĐ-CP và tịch thu tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành.

a) Khi áp dụng các biện pháp buộc tiêu hủy cần chú ý:

- Đối với vật thể bị nhiễm sinh vật gây hại thuộc dối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam hoặc nhiễm sinh vật gây hại lạ mà những sinh vật gây hại này không có khả năng bao vây tiêu diệt dược tại Việt Nam, khi tiêu hủy phải có sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và hải quan hoặc chính quyền dịa phương.

- Đối với thuốc, nguyên liệu thuốc và bao bì thuốc bảo vệ thực vật khi tiêu hủy phải thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ quản lý thuốc bảo vệ thực vật ban hành kèm theo Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ và Quyết định số 145/2002/QĐ-BNN ngày 18/12/2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Khi có hành vi vi phạm hành chính mà phải áp dụng biện pháp buộc dưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất thì phải chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 26/2003/NĐ-CP.

III. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Thanh tra chuyên ngành được quy định cụ thể tại Điều 19 của Nghị định số 26/2003/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, huyện, thị thực hiện theo khoản 1, 2 Điều 20 của Nghị định số 26/2003/NĐ-CP. Các Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Trạm bảo vệ thực vật huyện trực thuộc Chi cục có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân xã, huyện, thị thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này theo đúng quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính và hướng dẫn các mẫu biểu xử phạt vi phạm hành chính được ban hành theo Quyết định số 61/2003/QĐ-BNN ngày 07/5/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 26/2003/NĐ-CP. Những vụ vi phạm hành chính do Chi cục Bảo vệ thực vật phát hiện, lập biên bản mà vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chánh thanh tra Chi cục Bảo vệ thực vật thì Chi cục làm thủ tục chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và ký quyết định xử phạt.

3. Xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính:

a) Thẩm quyền phạt tiền được xác định căn cứ vào mức độ tối đa của khung tiền phạt quy định cho mỗi hành vi vi phạm hành chính.

b) Thẩm quyền áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải căn cứ vào giá trị thực tế của tang vật, phương tiện để xác định thẩm quyền.

c) Trong trường hợp mức tiền phạt, trị giá tang vật phương tiện bị tịch thu hoặc một trong các hình thức xử phạt hoặc biện pháp khắc phục hậu quả không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền thì người đang thụ lý vụ vi phạm phải chuyển vụ vi phạm đó đến người có thẩm quyền xử phạt.

IV. THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục, trình tự xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

2. Chế độ quản lý, thu và sử dụng tiền phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật được thực hiện theo Thông tư số 52/TC-CSTC ngày 12/9/1996 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu và sử dụng tiền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính, Thông tư số 09/1998/TT-BTC ngày 20/01/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng tiền thu từ chống buôn lậu và Thông tư số 47/1998/TT-BTC ngày 09/4/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung nội dung điểm 3a Mục III của Thông tư số 09/1998/TT-BTC ngày 20/01/1998 hướng dẫn quản lý, sử dụng tiền thu từ chống buôn lậu, Thông tư số 93/2000/TT-BTC ngày 15/9/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí trong công tác chống hàng giả.

Chế độ sử dụng biên lai thu tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền nộp phạt vi phạm hành chính sẽ do Chính phủ ban hành Nghị định quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các Chi cục Bảo vệ thực vật trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra và xử

phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo đúng quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Nghị định số 26/2003/NĐ-CP và Thông tư này, tổng hợp tình hình và báo cáo Bộ theo quy định.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị định số 26/2003/NĐ-CP và Thông tư này; theo dõi, tổng hợp tình hình kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc kịp thời đề xuất với Bộ để nghiên cứu hướng dẫn, bổ sung.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 07/NN-BVTV-TT ngày 20 tháng 8 năm 1997 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn

LÊ HUY NGỌ

THÔNG TƯ số 73/2003/TT-BNN ngày 01/7/2003 hướng dẫn việc thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa.

Để thi hành Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 36/2001/PL-UBTVQH10 do Chủ tịch nước công bố ngày 08/8/2001 và Điều lệ Kiểm dịch thực vật ban hành kèm theo Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ; để công tác kiểm dịch thực vật nội địa hoạt động có hiệu quả và thống nhất, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Công tác kiểm dịch thực vật nội địa là một khâu không thể tách rời với công tác kiểm dịch thực vật xuất nhập khẩu nhằm quản lý sinh vật gây hại thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam và sinh vật có ích; phát hiện và đề xuất các biện pháp xử lý đối với các ổ dịch thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật xuất hiện tại địa phương.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi: Thông tư này được áp dụng trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật nội địa trên phạm vi toàn quốc.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tại Việt Nam có hoạt động liên quan đến công tác kiểm dịch thực vật nội địa phải thực hiện theo nội dung tại Thông tư này.

III. NỘI DUNG CÔNG TÁC KIỂM DỊCH THỰC VẬT NỘI ĐỊA

Công tác kiểm dịch thực vật nội địa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật là Chi cục Bảo vệ thực vật các tỉnh,